

THẬP NHẤT ĐIỆN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM MẬT NGÔN

Biên soạn bởi Huyền Thanh Nguyễn Vũ Tài

ĐẠI CHÚ THẬP NHẤT ĐIỆN – ĐẠI CHÚ 1



Namo ratna-trayāya (Quy mệnh Tam Bảo)

**Namaḥ Ārya-jñāna-sāgara-vairocana-vyūha-rājāya tathāgatāya arhate
samyaksambuddhāya**

(Kính lễ Thánh Trí Hải Biển Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

Namaḥ sarva tathāgatabhyaḥ arhatebhyaḥ samyaksambuddhebhyaḥ

(Kính lễ tất cả Như Lai Đẳng, Ứng Cúng Đẳng, Chính Đẳng Chính Giác Đẳng)

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

(Kính lễ Bậc có Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát)

Tadyathā (Như vậy) **Oṃ** (cảnh giác) **dhara dhara** (gia trì cho ta và người) **dhiri dhiri** (người gia trì không kê nam nữ) **dhuru dhuru** (Lóe sáng, gom giữ đê mục) **iti vati** (năng lực tự nhiên: hư không, gió, mặt trời, mặt trăng ... như vậy) **cale cale** (lay động, lay động) **pracale pracale** (lay động khắp, lay động khắp) **kusume kusuma-bala** (sức mạnh của bông hoa bên trong bông hoa)

jīti jvalam(thâu nhiếp ánh sáng) **āpanāya** (xuất tức quán: quán sát hơi thở ra vào) **svāhā** (quyết định thành tựu)

ĐẠI CHÚ THẬP NHẤT ĐIỆN – ĐẠI CHÚ 2



Namo ratna-trayāya

Namaḥ Ārya-jñāna-sāgara-vairocana-vyūha-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Namaḥ sarva tathāgatebhyaḥ arhatebhyaḥ samyaksaṃbuddhebhyaḥ

Namaḥ Ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

Tadyathā (Như vậy) **Oṃ** (cảnh giác) **dhara dhara** (gia trì cho ta và người) **dhiri dhiri** (người gia trì không kể nam nữ) **dhuru dhuru** (Lóe sáng, gom giữ đề mục) **iti vati** (năng lực tự nhiên: hư không, gió, mặt trời, mặt trăng ... như vậy) **cale cale** (lay động, lay động) **pracale pracale** (lay động khắp, lay động khắp) **kusume kusuma-bale citi jvalam** (hiểu biết lưu ý đến ánh sáng bên trong sức mạnh của bông hoa bên trong bông hoa) **āpanāya** (Theo hơi thở ra vào) **iri** (Che chở triệt để) **miri** (Ngăn cản chặn đứng) **ciri** (Sự gây thương tích, giết chết)

Parama-śuddha-satva mahā-kāruṇika svāhā (Quyết định thành tựu Bạc Chí Thượng Thanh Tịnh Hữu Tình có đầy đủ Tâm Đại Bi)

ĐẠI CHÚ THẬP NHẤT ĐIỆN – ĐẠI CHÚ 3



Namo ratna-trayāya (Quy mệnh Tam Bảo)

Namo bhagavate mahā-kāruṇika-vajra-sāra-paramarthaṇi tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya (Quy mệnh Đức Thế Tôn Đại Bi Kiên Cố Tối Thắng Nghĩa Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

Tadyathā (Như vậy) **Oṃ** (Cảnh giác) **Dhara dhara** (Gia trì cho ta và người) **Dhiri dhiri** (Người trì Chú không kể nam nữ) **dhuru dhuru** (Lóa sáng, tỏa sáng, gom giữ đề mục) **iti vati** (Năng lực thiên nhiên như vậy) **cale cale** (Lay động) **pracale pracale** (Lay động khắp) **sarva kleśa** (Tất cả phiền não) **sarva karma-avaṛaṇaṇi** (Tất cả chướng ngại của nghiệp) **śuddhe śuddhe** (Tinh lọc, thanh tịnh) **viśuddhe viśuddhe** (Khiến cho thanh tịnh, tinh lọc hoàn toàn) **gagana-svabhāva viśuddhe** (Thanh tịnh như tự tính của hư không) **svāhā** (Quyết định thành tựu)